

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 77/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-09-2021

*“V/v tranh chấp ly hôn,  
chia tài sản chung”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN D  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Phan Kiên Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 05 năm 2021 về *“Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/07/2021 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 01/TB-DS, ngày 20/07/2021, Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 09/TB-DS, ngày 02/08/2021, Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 20/TB-DS, ngày 16/08/2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1979 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

***- Bị đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1991 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

***- Người có quyền lợi, nghĩa liên quan:***

1. Bà **Trương Thị S**, sinh năm 1959 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1953 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/05/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày:*

Nguyên anh và chị Nguyễn Thị Kim N qua quen biết và được sự thống nhất của hai bên gia đình nên vào tháng 10 năm 2017 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/10/2017.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình chồng nhưng chung sống khoảng được 5 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong việc là anh không thích buôn bán với vợ, không cho vợ buôn bán nhưng vợ không đồng ý, sự việc không giải quyết được do đó đến khoảng tháng 3 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nhà ai nấy ở. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể kéo dài. Nay anh Nguyễn Hoàng P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K mà cha mẹ anh cho trong ngày cưới của vợ chồng, trong đó có: 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 24K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 03 (ba) chỉ vàng 24K; 01 vòng đeo tay 02 (hai) chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tay 01 (một) chỉ vàng 24K. Hiện chị N đang giữ, khi ly hôn anh P yêu cầu chia đôi, mỗi người hưởng 05 (năm) chỉ vàng 24K.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoàng P qua quen biết và được sự thống nhất của hai bên gia đình nên vào tháng 10 năm 2017 thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/10/2017.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình chồng nhưng chung sống khoảng được 5 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn là lúc sau khi cưới thì chồng làm công ty ở Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2018 không chịu về, cũng không cho chị bán tạp hóa ở chợ Tam Bình, mà không thực hiện thỏa thuận trước đây

là về bán tạp hóa với chị. Sau đó chồng chị nghĩ làm ở Thành Phố về thì cha mẹ chồng kêu chị và chồng chị lên Vĩnh Long làm, nhưng chị không đồng ý vì cha mẹ hai bên già yếu, do bất đồng ý kiến nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân chị và chồng chị có gặp nhau cũng hòa giải là vợ chồng về buôn bán, anh P không chịu cho tới nay. Chị và chồng chị đã hòa giải trên 10 lần nhưng không được, hai vợ chồng vẫn giữ quan điểm cho đến nay. Anh P yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì chị còn thương chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là vợ chồng có 07 chỉ vàng 23K mà cha mẹ anh P cho vợ chồng trong ngày cưới, trong đó có: 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 23K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 23K, 01 chiếc lắc tay 02 (hai) chỉ vàng 23K; 01 đôi bông 01 (một) chỉ vàng 23K. Hiện chị đang giữ, chị không đồng ý ly hôn nên không chia vàng, chị yêu cầu nhận 07 chỉ vàng 23K.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị D trình bày:*

Số vàng cưới mà bà cho vợ chồng P, N trong ngày cưới là 10 (mười) chỉ vàng 24K, trong đó: 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 24K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 03 (ba) chỉ vàng 24K; 01 vòng đeo tay 02 (hai) chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 01 (một) chỉ vàng 24K. Ngoài ra còn có số vàng 05 (năm) chỉ vàng 24K là chiếc kiềng cổ là từ số tiền 30.000.000đ mà phía bên cô dâu đưa cho bà cho trong ngày cưới, tổng cộng là 1,5 cây vàng 24K (15 chỉ vàng).

- *Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị S trình bày:*

Số vàng cưới mà bên chồng cho cô dâu trong ngày cưới là 07 (bảy) chỉ vàng 23K, trong đó: 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 23K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 23K, 01 chiếc lắc tay 02 (hai) chỉ vàng 23K; 01 đôi bông tai 01 (một) chỉ vàng 23K. Bà mua thêm 08 (tám) chỉ vàng 23K, gồm 01 chiếc vòng và 01 chiếc kiềng để đưa bên chồng cho cô dâu trong ngày cưới, tổng cộng là 1,5 cây vàng 23K (15 chỉ vàng).

- Ngày 21/07/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N có đơn xin vắng mặt, chị có ý kiến trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị và anh P đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 21/07/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị S có đơn xin vắng mặt, bà có ý kiến trình bày: Chị N và anh P đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không có liên quan gì.

- Ngày 06/09/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh có ý kiến trình bày: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Anh rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 06/09/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị D có đơn xin vắng mặt, bà có ý kiến trình bày: Bà là mẹ ruột anh P, giữa anh P và chị N đã thỏa thuận xong phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không có liên quan gì, không có trình bày gì thêm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:*

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, Điều 217, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, do anh P và chị N đã thỏa thuận xong và anh P rút lại yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về pháp luật tố tụng:***

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về việc ly hôn, chia tài sản chung. Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N cư trú tại xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng P, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị D, bà Trương Thị S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***Về pháp luật nội dung:***

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Qua quen biết anh P và chị N tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 16/10/2017 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Nguyễn Hoàng P trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình chồng nhưng chung sống khoảng được 05 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong việc là anh không thích buôn bán với vợ, không cho vợ buôn bán nhưng vợ không đồng ý, sự việc không giải quyết được do đó đến khoảng tháng 03 năm 2018 thì vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nhà ai nấy ở. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể kéo dài. Nay anh Nguyễn Hoàng P yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Theo chị Nguyễn Thị Kim N trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống bên gia đình chồng nhưng chung sống khoảng được 5 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn là lúc sau khi cưới thì chồng làm công ty ở Thành Phố Hồ Chí Minh, năm 2018 không chịu về, cũng không cho chị bán tạp hóa ở chợ Tam Bình, mà không thực hiện thỏa thuận trước đây là về bán tạp hóa với chị. Sau đó chồng chị nghĩ làm ở Thành Phố về thì cha mẹ chồng kêu chị và chồng chị lên Vĩnh Long làm, nhưng chị không đồng ý vì cha mẹ hai bên già yếu, do bất đồng ý kiến nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ năm 2018 cho đến nay. Từ lúc ly thân chị và chồng chị có gặp nhau cũng

hòa giải là vợ chồng về buôn bán, anh P không chịu cho tới nay. Chị và chồng chị đã hòa giải trên 10 lần nhưng không được, hai vợ chồng vẫn giữ quan điểm cho đến nay. Anh P yêu cầu ly hôn chị không đồng ý vì chị còn thương chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng anh P và chị N đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, quá trình giải quyết Tòa án hòa giải nhưng không thành. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh P và chị N là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...”*.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N khai không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung của vợ chồng*: Anh Nguyễn Hoàng P cho rằng số vàng cưới là 10 (mười) chỉ vàng 24K, gồm có: 01 sợi dây chuyền 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 24K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 03 (ba) chỉ vàng 24K; 01 vòng đeo tay 02 (hai) chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tay 01 (một) chỉ vàng 24K. Hiện chị N đang giữ, khi ly hôn anh P yêu cầu chia đôi, mỗi người hưởng 05 (năm) chỉ vàng 24K, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Chị Nguyễn Thị Kim N cho rằng số vàng cưới là 07 chỉ vàng 23K, gồm có: 01 sợi dây chuyền 03 (ba) chỉ vàng 23K, 01 mặt dây chuyền 01 (một) chỉ vàng 23K, 01 chiếc lắc tay 02 (hai) chỉ vàng 23K; 01 đôi bông 01 (một) chỉ vàng 23K. Hiện chị N đang giữ, chị N không đồng ý ly hôn nên không chia vàng, chị N yêu cầu nhận 07 chỉ vàng 23K, chị có xuất trình tài liệu, chứng cứ là tờ giấy ghi của Tiệm vàng Phước Nguyên ngày 15/09/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị N đã thỏa thuận xong về tài sản chung. Anh P rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng anh P, chị N.

[4]. *Về nợ chung của vợ chồng*: Anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N khai không có con chung, nên không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung của vợ chồng*: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Nguyễn Hoàng P đối với chị Nguyễn Thị Kim N.

[4]. *Về nợ chung của vợ chồng*: Anh Nguyễn Hoàng P và chị Nguyễn Thị Kim N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 959.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N<sub>0</sub> 0011101 ngày 21/05/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, nên anh P được nhận lại số tiền là 659.000đ (*S trăm, năm mươi chín nghìn đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**